

Số: 00001/N2.20/ĐG/19

Ngày 11/6/2020

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp
- Địa chỉ : 64 ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. HCM
- Hợp đồng nguyên tắc số: 02/QN.20/N2-THW ngày 04/12/2019
- Giấy yêu cầu và nhận thẩm định/ giám định số: 00001/N2.20/ĐG ngày 02/01/2020.
- Nội dung yêu cầu :
 - Lấy mẫu nước sạch vào ngày 03/6/2020 và phân tích chất lượng nước. Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: các chỉ tiêu nêu tại mục PL 1.1, Phụ lục I của HDNT số 02/QN.20/N2-THW ngày 04/12/2019.
 - Thể hiện mức quy định tại QCVN 01: 2009/BYT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích tại bảng kết quả phân tích mẫu.
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp – Nhà máy nước Tân Hiệp 2, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian lấy mẫu : Ngày 03/6/2020 từ 08 giờ 50 phút đến 09 giờ 10 phút
- Phương pháp lấy mẫu :
 - TCVN 6663-1: 2011 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lập trình chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
 - TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
 - TCVN 6663-5: 2009 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lấy mẫu nước uống từ các trạm xử lý và hệ thống phân phối bằng đường ống.
 - TCVN 8880: 2011 – Chất lượng nước, lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
- Kết quả giám định : *Xem chi tiết từ trang 02/03 đến 03/03.*

Lưu ý: Không được trích/ sao một phần Thông báo kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.

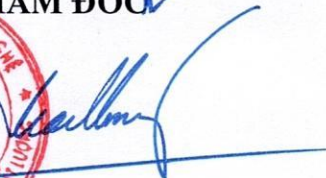
GIÁM ĐỊNH VIÊN



Phạm Quốc Nghĩa



GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thái Hùng

KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

9.1 Nội dung thực hiện

- Lấy mẫu: vị trí lấy mẫu nước do đại diện Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp (bà Đoàn Thị Võ Thanh Trang) chỉ định, cụ thể tại 01 vòi “nước dịch vụ” trong Phòng Thí nghiệm. Mẫu sau khi lấy được niêm phong bằng niêm nhựa của Trung tâm Kỹ thuật 3 với số niêm KT338715.
- Hình ảnh thực hiện:



Vị trí lấy mẫu nước



Mẫu nước được niêm phong

VÀ CÔNG
TAM
TIÊU CH
LƯỢNG
LƯỢNG
ĐO LƯỜNG

9.2 Kết quả thử nghiệm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định ⁽¹⁾
1	Độ màu,	Pt. Co	TCVN 6185: 2015	< 5,0	15
2	Mùi		SMEWW 2017 (2150 C)	Không có mùi lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục,	NTU	SMEWW 2017 (2130 B)	< 0,5	2
4	Độ pH ở 25 °C		TCVN 6492: 2011	7,5	6,5 – 8,5
5	Độ cứng toàn phần quy về CaCO ₃ ,	mg/L	SMEWW 2017 (2340 C)	75,4	300
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS),	mg/L	SMEWW 2017 (2540 C)	165	1 000

KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

(Tiếp theo)

9.2 Kết quả thử nghiệm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định ⁽¹⁾
7	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺),	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu)	< 0,1	3
8	Hàm lượng clorua (Cl ⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	39,0	250
9	Hàm lượng florua (F ⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	0,34	1,5
10	Hàm lượng sắt (Fe),	mg/L	US EPA Method 200.8	< 0,02	0,3
11	Hàm lượng mangan (Mn),	mg/L	US EPA Method 200.8	< 0,02	0,3
12	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	4,6	50
13	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	< 0,02	3
14	Hàm lượng sunphat (SO ₄ ²⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	34,7	250
15	Chỉ số permanganate quy về O ₂ ,	mg/L	TCVN 6186: 1996	< 1,5 ^(b)	2
16	Clo dư,	mg/L	Đo tại hiện trường bằng Test Kit Chlorine CN-66F, Hach – USA	1,0	0,3 – 0,5
17	Tổng số coliform,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0
18	Escherichia coli,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0

Ghi chú: ⁽¹⁾ ... Mức quy định nêu tại QCVN 01: 2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích.

^(b) ... giới hạn định lượng của phương pháp thử

Số: 00001/N2.20/ĐG/20

Ngày 19/6/2020

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp
- Địa chỉ : 64 ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. HCM
- Hợp đồng nguyên tắc số: 02/QN.20/N2-THW ngày 04/12/2019
- Giấy yêu cầu và nhận thẩm định/ giám định số: 00001/N2.20/ĐG ngày 02/01/2020.
- Nội dung yêu cầu :
 - Lấy mẫu nước sạch vào ngày 10/6/2020 và phân tích chất lượng nước. Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: các chỉ tiêu nêu tại mục PL 1.1, Phụ lục I của HĐNT số 02/QN.20/N2-THW ngày 04/12/2019.
 - Thể hiện mức quy định tại QCVN 01: 2009/BYT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích tại bảng kết quả phân tích mẫu.
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp – Nhà máy nước Tân Hiệp 2, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian lấy mẫu : Ngày 10/6/2020 từ 08 giờ 45 phút đến 09 giờ
- Phương pháp lấy mẫu :
 - TCVN 6663-1: 2011 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lập trình chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
 - TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
 - TCVN 6663-5: 2009 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lấy mẫu nước uống từ các trạm xử lý và hệ thống phân phối bằng đường ống.
 - TCVN 8880: 2011 – Chất lượng nước, lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
- Kết quả giám định : *Xem chi tiết từ trang 02/03 đến 03/03.*

Lưu ý: Không được trích/ sao một phần Thông báo kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Phạm Quốc Nghĩa

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thái Hùng

KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH**9.1 Nội dung thực hiện**

- Lấy mẫu: vị trí lấy mẫu nước do đại diện Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp (bà Đoàn Thị Võ Thanh Trang) chỉ định, cụ thể tại 01 vòi “nước dịch vụ” trong Phòng Thí nghiệm. Mẫu sau khi lấy được niêm phong bằng niêm nhựa của Trung tâm Kỹ thuật 3 với số niêm KT338720.
- Hình ảnh thực hiện:



Vị trí lấy mẫu nước



Mẫu nước được niêm phong

TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
AN ĐỘ LƯỢNG

9.2 Kết quả thử nghiệm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định ⁽¹⁾
1	Độ màu,	Pt. Co	TCVN 6185: 2015	< 5,0	15
2	Mùi		SMEWW 2017 (2150 C)	Không có mùi lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục,	NTU	SMEWW 2017 (2130 B)	< 0,5	2
4	Độ pH ở 25 °C		TCVN 6492: 2011	7,5	6,5 – 8,5
5	Độ cứng toàn phần quy về CaCO ₃ ,	mg/L	SMEWW 2017 (2340 C)	65,7	300
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS),	mg/L	SMEWW 2017 (2540 C)	169	1 000

KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH*(Tiếp theo)***9.2 Kết quả thử nghiệm**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định ⁽¹⁾
7	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺),	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu)	< 0,1	3
8	Hàm lượng clorua (Cl ⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	35,0	250
9	Hàm lượng florua (F ⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	0,40	1,5
10	Hàm lượng sắt (Fe),	mg/L	SMEWW 2017 (3120 B)	< 0,05	0,3
11	Hàm lượng mangan (Mn),	mg/L	SMEWW 2017 (3120 B)	< 0,01	0,3
12	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	4,6	50
13	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	< 0,02	3
14	Hàm lượng sunphat (SO ₄ ²⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	34,9	250
15	Chỉ số permanganate quy về O ₂ ,	mg/L	TCVN 6186: 1996	< 1,5 ^(b)	2
16	Clo dư,	mg/L	Đo tại hiện trường bằng Test Kit Chlorine CN-66F, Hach – USA	1,0	0,3 – 0,5
17	Tổng số coliform,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0
18	Escherichia coli,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0

Ghi chú: ⁽¹⁾ ... Mức quy định nêu tại QCVN 01: 2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích.

^(b) ... giới hạn định lượng của phương pháp thử

Số: 00001/N2.20/ĐG/21

Ngày 26/6/2020

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp
- Địa chỉ : 64 ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. HCM
- Hợp đồng nguyên tắc số: 02/QN.20/N2-THW ngày 04/12/2019
- Giấy yêu cầu và nhận thẩm định/ giám định số: 00001/N2.20/ĐG ngày 02/01/2020.
- Nội dung yêu cầu :
 - Lấy mẫu nước sạch vào ngày 17/6/2020 và phân tích chất lượng nước. Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: các chỉ tiêu nêu tại mục PL 1.1, Phụ lục I của HDNT số 02/QN.20/N2-THW ngày 04/12/2019.
 - Thể hiện mức quy định tại QCVN 01: 2009/BYT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích tại bảng kết quả phân tích mẫu.
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp – Nhà máy nước Tân Hiệp 2, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian lấy mẫu : Ngày 17/6/2020 từ 08 giờ 45 phút đến 09 giờ 10 phút
- Phương pháp lấy mẫu :
 - TCVN 6663-1: 2011 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lập trình chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
 - TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
 - TCVN 6663-5: 2009 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lấy mẫu nước uống từ các trạm xử lý và hệ thống phân phối bằng đường ống.
 - TCVN 8880: 2011 – Chất lượng nước, lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
- Kết quả giám định : *Xem chi tiết từ trang 02/03 đến 03/03.*

Lưu ý: Không được trích/ sao một phần Thông báo kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3

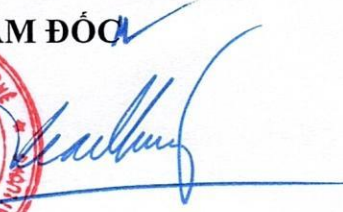
GIÁM ĐỊNH VIÊN



Phạm Quốc Nghĩa



GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thái Hùng

KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

9.1 Nội dung thực hiện

- Lấy mẫu: vị trí lấy mẫu nước do đại diện Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp (bà Đoàn Thị Võ Thanh Trang) chỉ định, cụ thể tại 01 vòi “nước dịch vụ” trong Phòng Thí nghiệm. Mẫu sau khi lấy được niêm phong bằng niêm phong của Trung tâm Kỹ thuật 3 với số niêm phong KT338717.
- Hình ảnh thực hiện:



Vị trí lấy mẫu nước



Mẫu nước được niêm phong

9.2 Kết quả thử nghiệm

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định ⁽¹⁾
1	Độ màu, Pt. Co	TCVN 6185: 2015	< 5,0	15
2	Mùi	SMEWW 2017 (2150 C)	Không có mùi lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục, NTU	SMEWW 2017 (2130 B)	< 0,5	2
4	Độ pH ở 25 °C	TCVN 6492: 2011	7,5	6,5 – 8,5
5	Độ cứng toàn phần quy về CaCO ₃ , mg/L	SMEWW 2017 (2340 C)	67,5	300
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS), mg/L	SMEWW 2017 (2540.C)	150	1 000

C VÀ CỎ
 NG TẬP
 JÁT NẾU C
 ĐO LƯỜNG
 HẤT LƯỠ
 CHUẨN D

KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH*(Tiếp theo)***9.2 Kết quả thử nghiệm**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định ⁽¹⁾
7	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺),	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu)	< 0,1	3
8	Hàm lượng clorua (Cl ⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	28,8	250
9	Hàm lượng florua (F ⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	0,27	1,5
10	Hàm lượng sắt (Fe),	mg/L	SMEWW 2017 (3120 B)	< 0,05	0,3
11	Hàm lượng mangan (Mn),	mg/L	SMEWW 2017 (3120 B)	< 0,01	0,3
12	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	4,4	50
13	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	< 0,02	3
14	Hàm lượng sunphat (SO ₄ ²⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	34,9	250
15	Chỉ số permanganate quy về O ₂ ,	mg/L	TCVN 6186: 1996	< 1,5 ^(b)	2
16	Clo dư,	mg/L	Đo tại hiện trường bằng Test Kit Chlorine CN-66F, Hach – USA	1,0	0,3 – 0,5
17	Tổng số coliform,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0
18	Escherichia coli,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0

Ghi chú: ⁽¹⁾ ... Mức quy định nêu tại QCVN 01: 2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích.

^(b) ... giới hạn định lượng của phương pháp thử

Số: 00001/N2.20/ĐG/22

Ngày 03/7/2020

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp
- Địa chỉ : 64 ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. HCM
- Hợp đồng nguyên tắc số: 02/QN.20/N2-THW ngày 04/12/2019
- Giấy yêu cầu và nhận thẩm định/ giám định số: 00001/N2.20/ĐG ngày 02/01/2020.
- Nội dung yêu cầu :
 - Lấy mẫu nước sạch vào ngày 24/6/2020 và phân tích chất lượng nước. Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: các chỉ tiêu nêu tại mục PL1.3, Phụ lục I của HDNT số 02/QN.20/N2-THW ngày 04/12/2019.
 - Thể hiện mức quy định tại QCVN 01: 2009/BYT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích tại bảng kết quả phân tích mẫu.
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp – Nhà máy nước Tân Hiệp 2, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian lấy mẫu : Ngày 24/6/2020 từ 08 giờ 30 phút đến 09 giờ
- Phương pháp lấy mẫu :
 - TCVN 6663-1: 2011 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lập trình chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
 - TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
 - TCVN 6663-5: 2009 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lấy mẫu nước uống từ các trạm xử lý và hệ thống phân phối bằng đường ống.
 - TCVN 8880: 2011 – Chất lượng nước, lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
- Kết quả giám định: *Xem chi tiết từ trang 02/06 đến 06/06.*

Lưu ý: Không được trích/ sao một phần Thông báo kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Phạm Quốc Nghĩa



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thái Hùng

KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

9.1 Lấy mẫu

- Lấy mẫu: vị trí lấy mẫu nước cấp do đại diện Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp (bà Đoàn Võ Thị Thanh Trang) chỉ định, cụ thể tại 01 vòi "nước dịch vụ" trong Phòng Thí nghiệm. Mẫu sau khi lấy được niêm phong bằng niêm nhựa của Trung tâm Kỹ thuật 3 với số niêm KT338726.
- Hình ảnh thực hiện:



Vị trí lấy mẫu nước



Mẫu nước được niêm phong

9.2 Kết quả phân tích

STT	Tên chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Kết quả phân tích	Mức quy định (*)
1	Độ màu, Pt. Co	TCVN 6185 : 2015	< 5,0	15
2	Mùi	SMEWW 2017 (2150 C)	Không có mùi lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục, NTU	SMEWW 2017 (2130 B)	< 0,5	2
4	Độ pH ở 25 °C,	TCVN 6492 : 2011	7,7	6,5 – 8,5
5	Độ cứng toàn phần quy về CaCO ₃ , mg/L	SMEWW 2017 (2340 C)	66,7	300
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS), mg/L	SMEWW 2017 (2540 C)	148	1 000

KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

(Tiếp theo)

STT	Tên chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả phân tích	Mức quy định (*)
7	Hàm lượng nhôm (Al),	mg/L	SMEWW 2017 (3120 B)	< 0,05	0,2
8	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺),	mg/L	US EPA 350.2 (So màu)	< 0,1	3
9	Hàm lượng antimon (Sb),	mg/L	SMEWW 2017 (3114 C)	< 0,003	0,005
10	Hàm lượng asen (As),	mg/L		< 0,0005	0,01
11	Hàm lượng bari (Ba),	mg/L	SMEWW 2017 (3120 B)	< 0,05	0,7
12	Hàm lượng bo (B),	mg/L		< 0,05	0,3
13	Hàm lượng cadimi (Cd),	mg/L		< 0,001	0,003
14	Hàm lượng clorua (Cl ⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	30,6	250
15	Hàm lượng crôm (Cr),	mg/L	SMEWW 2017 (3120 B)	< 0,01	0,05
16	Hàm lượng đồng (Cu),	mg/L		< 0,05	1
17	Hàm lượng cyanua (CN ⁻),	mg/L	TCVN 6181: 1996	< 0,005	0,07
18	Hàm lượng florua (F ⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	0,13	1,5
19	Hàm lượng hydrosulfua (H ₂ S),	mg/L	SMEWW 2017 (4500 - S ²⁻ D)	< 0,02	0,05
20	Hàm lượng sắt (Fe),	mg/L	SMEWW 2017 (3120 B)	< 0,05	0,3
21	Hàm lượng chì (Pb),	mg/L		< 0,005	0,01
22	Hàm lượng mangan (Mn),	mg/L		< 0,01	0,3

VÀ CỤ
TÀI
TIÊU
LƯU
T LƯU
CÁN Đ

KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

(Tiếp theo)

STT	Tên chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả phân tích	Mức quy định (*)
23	Hàm lượng thủy ngân (Hg),	mg/L	SMEWW 2017 (3112 B)	< 0,0005	0,001
24	Hàm lượng molybden (Mo),	mg/L	SMEWW 2017 (3120 B)	< 0,01	0,07
25	Hàm lượng niken (Ni),	mg/L		< 0,01	0,02
26	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	4,6	50
27	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	< 0,02	3
28	Hàm lượng selen (Se),	mg/L	SMEWW 2017 (3114 C)	< 0,003	0,01
29	Hàm lượng natri (Na),	mg/L	SMEWW 2017 (3111 B)	17,5	200
30	Hàm lượng sunphat (SO ₄ ²⁻),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	33,2	250
31	Hàm lượng kẽm (Zn),	mg/L	SMEWW 2017 (3120 B)	< 0,02	3
32	Chỉ số permanganate quy về O ₂ ,	mg/L	TCVN 6186 : 1996	< 1,5 ^(b)	2
33	Hàm lượng Cacbonetraclorua,	µg/L	US EPA Method 551.1	< 0,2	2
34	Hàm lượng 1,2 dicloetan,	µg/L	US EPA Method 5021 A	< 5,0	30
35	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol,	µg/L	TCVN 6216: 1996	< 0,3	1

KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

(Tiếp theo)

STT	Tên chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả phân tích	Mức quy định (*)
36	Hàm lượng benzene,	µg/L	US EPA Method 5021 A	< 2,0	10
37	Hàm lượng benzo(a)pyren,	µg/L	SMEWW 2017 (6440 C)	< 0,2	0,7
38	Hàm lượng Aldrin/ Dieldrin,	µg/L	SMEWW 2017 (6630 B)	< 0,03	0,03
39	Hàm lượng Chlordane , • α chlordane • β chlordane	µg/L		< 0,05	0,2
40	Hàm lượng DDT,	µg/L		< 0,5	2
41	Hàm lượng 2,4 – D,	µg/L	SMEWW 2017 (6640 B)	< 2,0	30
42	Hàm lượng heptaclo và heptaclo epoxit,	µg/L	SMEWW 2017 (6630 B)	< 0,03	0,03
43	Hàm lượng hexaclorobenzen,	µg/L	SMEWW 2017 (6630 B)	< 0,5	1
44	Hàm lượng Lindane,	µg/L		< 0,5	2
45	Hàm lượng Methoxychlor,	µg/L		< 0,5	20
46	Hàm lượng 2,4 DB,	µg/L	SMEWW 2017 (6640 B)	< 2,0	90
47	Hàm lượng monocloramin,	µg/L	TCVN 6225-2: 2012	< 3,0	3
48	Hàm lượng clo dư (Cl ₂),	mg/L	Đo tại hiện trường bằng Test Kit Chlorine CN-66F, Hach – USA	1,0	0,3 – 0,5



KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

(Tiếp theo)

STT	Tên chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Kết quả phân tích	Mức quy định (*)
49	Tổng hoạt độ α , pCi/L	SMEWW 2017 (7110 B)	< 1,4	3
50	Tổng hoạt độ β , pCi/L		< 8,0	30
51	Tổng số coliform, CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0
52	Escherichia coli, CFU/100 mL		0	0

Ghi chú: (*) ... Mức quy định nêu tại QCVN 01: 2009/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống

(b) ... giới hạn định lượng của phương pháp thử
